

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 01 - 2018
V/v ly hôn giữa bà Đồng Thị N và ông
Nguyễn Văn D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Huy Hoàng

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2540/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đồng Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Xã A, huyện C, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961; hiện cư trú tại: Số 23843 Phố E, Cộng hòa Liên bang Đức; hiện tạm trú tại: Số nhà 14, đường F, tổ A7 – A8, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng.

Bà Đồng Thị N có mặt, ông Nguyễn Văn D vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn là bà Đồng Thị N trình bày:

Bà Đồng Thị N và ông Nguyễn Văn D quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng (nay là huyện C, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/9/1982.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc. Đến

năm 1989 thì ông D đi lao động tại Cộng hòa liên bang Đức còn bà vẫn ở lại Việt Nam chăm sóc hai con. Đến năm 1992 ông D về Việt Nam thăm gia đình và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau mỗi người một nơi nên không tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Cũng từ đó ông bà không còn quan tâm đến nhau nữa. Sau thời gian đó ông D cũng về Việt Nam vài lần nhưng ông bà không gặp nhau.

Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ nên bà N đã quyết định ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là I, sinh ngày 19/8/1983 và J, sinh ngày 31/12/1984. Nay các cháu đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn ly hôn và bản tự khai, bị đơn là ông Nguyễn Văn D gửi Tòa án ông D trình bày thống nhất về quá trình kết hôn, mâu thuẫn, con chung và tài sản chung như bà Đồng Thị N trình bày. Ông D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho ông và bà N được ly hôn đồng thời ông có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vắng mặt ông.

Do ông D phải trở về Cộng hòa liên bang Đức sinh sống nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa Bà Đồng Thị N có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Ông Nguyễn Văn D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Đồng Thị N và ông Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng (nay là huyện C, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/9/1982 đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay ông Nguyễn Văn D đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1

Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn ông D và bà N chung sống hạnh phúc đến năm 1992 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau mỗi người một nơi ông D cư trú tại Đức còn bà N vẫn ở Việt Nam nên không tin tưởng nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ nên bà N đã quyết định ly hôn, ông D cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho ông bà được ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung nhưng các con đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông D và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Đồng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Đồng Thị N và ông Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đồng Thị N và ông Nguyễn Văn D được ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là I, sinh ngày 19/8/1983 và J, sinh ngày 31/12/1984 nhưng các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông D và bà N đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đồng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0010519 ngày

24/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bà Đồng Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADSTP Hải Phòng;
- UBND xã A, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương